

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BÀ RỊA  
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 94/2020/HSST

Ngày 29-12-2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Hoàng Thị Tuyết  
2. Ông Đặng Văn Đề

**- Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Bà Phùng Nữ Lệ Chi - Thư ký Tòa án  
Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa tham gia phiên  
tòa:** Bà Trần Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2020, tại Trung tâm văn hóa học tập cộng đồng  
phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh  
Bà Rịa – Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 91/2020/HSST ngày  
26 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2020/QĐXXST-  
HS ngày 16 tháng 12 năm 2020 đối với bị cáo:

**LÊ DUY L**, Sinh năm 1989, tại Phú Yên.

Hộ khẩu thường trú: Khu phố Phú Thứ, thị trấn P, huyện T, tỉnh P; Chỗ ở:  
Không nơi cư trú nhất định; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 09/12; Giới  
tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Cha: Lê Văn  
S, sinh năm 1962; Mẹ: Võ Thị L, năm sinh: 1966. Có vợ Lê Thanh X, sinh năm  
1988 và 03 con, con lớn nhất sinh năm 2010 con nhỏ nhất sinh năm 2017.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị bắt: 21/6/2020 (Có mặt tại phiên tòa).

**Người bị hại:** Bà Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1993 (có mặt).

Trú tại: Tổ 2 ấp Tây, xã H, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

**Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:** Bà Võ Thị L, sinh năm 1966  
(vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố Phú Thứ, thị trấn P, huyện T, tỉnh P.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung  
vụ án được tóm tắt như sau:*

Khoảng tháng 10/2018, Lê Duy L kết bạn với chị Nguyễn Thị Hồng T  
qua mạng xã hội Facebook, L sử dụng tài khoản tên “Duy L”, chị T sử dụng tài  
khoản tên “T Hyundai BRVT”, hai bên thường xuyên liên lạc qua lại. Do cần  
tiền tiêu xài nên L nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của chị T. Để tạo niềm tin,

L nói với chị T, L là công an cấp bậc thiếu úy hiện đang công tác tại Phòng cảnh sát hình sự Công an tỉnh Tây Ninh. Sau một thời gian nhắn tin qua lại và gặp gỡ nhau, chị T có tình cảm với L và tâm sự với L về hoàn cảnh của bản thân và gia đình đồng thời có ý định nhờ L giúp đỡ. Mặc dù L biết rõ bản thân không có khả năng giúp chị T nhưng L vẫn nói rằng mình có thể giải quyết công việc cho chị T và nhiều lần yêu cầu chị T đưa tiền. Cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng cuối năm 2018 chị T nói với L về việc đang làm thủ tục ly hôn và muốn được quyền nuôi dưỡng con chung sau ly hôn. Thực chất L không có bất cứ mối quan hệ nào nhưng vẫn yêu cầu chị T giao tiền để nhờ Tòa án giúp đỡ và nhờ Ngân hàng xác nhận thu nhập cho chị T để bổ sung hồ sơ ly hôn. Tin tưởng L nên chị T đã nhiều lần đưa tiền cho L, lần đầu đưa trực tiếp cho L 5.000.000 đồng và nhiều lần chuyển tiền qua cửa hàng Viettel tổng cộng là 10.000.000 đồng. Nhận tiền nhưng L không liên hệ Ngân hàng hay Tòa án để giúp chị T mà sử dụng tiền vào mục đích tiêu xài cá nhân hết.

Lần thứ hai: Do chị T được Tòa án giải quyết cho ly hôn và được quyền nuôi con chung nên chị T tin tưởng L hơn. Khoảng tháng 4/2019, L tiếp tục nói với chị T là có chú làm ở Sở giao thông vận tải có thể giúp chị T xin vào làm việc và yêu cầu chị T giao tiền để xin việc. Tin tưởng L, chị T đã nhiều lần chuyển cho L bằng hình thức đưa trực tiếp và chuyển qua cửa hàng Viettel với tổng số tiền là 30.000.000 đồng. Nhận tiền L tiêu xài cá nhân hết.

Lần thứ 3: Khoảng tháng 5/2019, chị T tâm sự với L về việc gia đình có thửa đất bị quy hoạch muốn tách thửa để chuyển nhượng một phần. L nói với chị T có người quen làm ở cơ quan quản lý đất đai có thể giúp lo giấy tờ, chuyển mục đích sử dụng đất và yêu cầu chị T đưa tiền để thực hiện. Chị T tiếp tục nhiều lần chuyển cho L bằng hình thức đưa trực tiếp và chuyển qua cửa hàng Viettel với tổng số tiền là 70.000.000 đồng. Nhận tiền L không tiến hành bất kỳ thủ tục nào để thực hiện việc tách thửa đất cho chị T mà sử dụng tiền vào mục đích tiêu xài cá nhân hết.

Ngoài ra, trong quá trình quen biết, L cũng đã lừa dối chị T cho rằng bản thân có rẫy ở huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu muốn đầu tư trồng cây nhưng không có tiền. Chị T tin lời L nên đã nhiều lần chuyển tiền cho L, tổng cộng là 15.000.000 đồng. Mặt khác, L còn nói với chị T là đã nghỉ làm việc ở công an, đang đi học y sĩ nhưng không có tiền nên chị T tiếp tục chuyển cho L 5.000.000 đồng.

Tại cơ quan điều tra, L đã khai nhận bản thân làm nghề lái xe và hoàn toàn không có mối quan hệ nào để có thể giải quyết công việc cho chị T nhưng vì muốn có tiền tiêu xài nên L đã lừa dối chị T để lợi dụng tiền bạc và tình cảm của chị T. Trong quá trình quen biết L đã hứa hẹn và chiếm đoạt của chị T tổng số tiền là 135.000.000 đồng, gồm: 15.000.000 đồng lo việc giành quyền nuôi con khi ly hôn, 30.000.000 đồng lo xin việc cho chị T, 70.000.000 đồng làm giấy tờ đất, 15.000.000 đồng đầu tư làm rẫy và 5.000.000 đồng đi học y sĩ. Chị T thì cho rằng do tin tưởng L là công an có thể giải quyết công việc giúp mình được nên nhiều lần chị đưa tiền trực tiếp và chuyển tiền qua cửa hàng Viettel với tổng số tiền là 335.000.000 đồng, trong đó tiền lo việc ly hôn là 20.000.000

đồng, tiền lo xin việc là 100.000.000 đồng, tiền lo giấy tờ đất là 80.000.000 đồng, tiền vay đầu tư làm rẫy là 100.000.000 đồng và tiền học y sĩ là 30.000.000 đồng.

Qua đối chất giữa L và chị T, L chỉ thừa nhận đã chiếm đoạt của chị T tổng số tiền là 135.000.000 đồng như đã nêu trên. Riêng chị T khai L chiếm đoạt của chị 335.000.000 đồng nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh.

Ngoài ra, quá trình bắt giữ, cơ quan điều tra còn thu giữ của Lê Duy L 05 bộ hồ sơ học, sát hạch lái xe kèm phiếu thu tiền của Nguyễn Chí Dũng, Nguyễn Chí Hải, Nguyễn Chí Thảo, Đặng Long Khánh, Đinh Phước Hoàng Phi. L khai nhận do quen biết với Nguyễn Thái Việt, Việt nhận làm hồ sơ lái xe hạng B2 đến hạng C và nâng hạng nên L nhận hồ sơ của những người cần thi bằng lái thu tiền sau đó giao lại cho Việt hưởng hoa hồng 10%. Số hồ sơ bị thu giữ L chưa kịp giao cho Việt. Quá trình điều tra xác minh đối tượng Việt đã bỏ trốn không có mặt ở địa phương. Cơ quan điều tra tiếp tục thu giữ toàn bộ số hồ sơ trên để điều tra làm rõ để xử lý sau.

Về vật chứng vụ án: Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Bà Rịa đang tạm giữ của L: 01 CMND số 221211920 mang tên Lê Duy L cấp ngày 07-02-2020; 01 thẻ ATM Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam mang tên Lê Duy L; 01 giấy đăng ký xe mô tô xe máy biển số 78P1-4637 mang tên Võ Thị L cấp ngày 07-01-2010; 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu đen số Imel 353279/11/153571/5; 01 xe mô tô hiệu Honda loại Wave màu đỏ đen, biển số 78P1-4637, số khung RLHJC431X9Y097889, số máy JC43E0638490.

Đối với chiếc xe mô tô hiệu Honda loại Wave màu đỏ đen, biển số 78P1-4637, L khai nhận là xe của mẹ ruột tên Võ Thị L, qua xác minh bà L xác nhận xe của bà nhưng giấy chứng nhận đăng ký xe viết sai tên là Võ Thị Luyện, bà giao xe cho L sử dụng và không liên quan đến hành vi phạm tội của L. Toàn bộ số vật chứng trên, cơ quan điều tra đã chuyển giao Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa bảo quản chờ xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Nguyễn Thị Hồng T yêu cầu Lê Duy L bồi thường số tiền là 335.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 98/CT-VKSBR ngày 24-11-2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã truy tố Lê Duy L về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi trái pháp luật của mình đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố và xin được giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát thành phố Bà Rịa giữ quyền công tố tại phiên tòa đề nghị hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội theo bản cáo trạng đã truy tố, đề nghị hội đồng xét xử áp dụng Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm c khoản 2 Điều 174, Bộ luật hình sự, tuyên phạt bị cáo Lê Duy L tù 04 năm đến 04 năm tù 06 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị tuyên buộc bị cáo bồi thường cho chị T số tiền 135.000.000 đồng. Về xử lý vật chứng:

Đề nghị giao trả cho bị cáo L: 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu đen số Imel 353279/11/153571/5; 01 CMND số 221211920 mang tên Lê Duy L cấp ngày 07-02-2020; 01 thẻ ATM Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam mang tên Lê Duy L; giao trả cho bà Võ Thị L: 01 giấy đăng ký xe mô tô xe máy biển số 78P1-4637 mang tên Võ Thị Luyện cấp ngày 07-01-2010; 01 xe mô tô hiệu Honda loại Wave màu đỏ đen, biển số 78P1-4637, số khung RLHJC431X9Y097889, số máy JC43E0638490.

Bị cáo nói lời nói sau cùng, bị cáo nhận thấy hành vi của mình là sai trái, bị cáo xin lỗi người bị hại mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ để bị cáo có cơ hội trở về phụ giúp gia đình.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Bà Rịa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thừa nhận chiếm đoạt của bị hại số tiền là 135.000.000 đồng, bị hại cho rằng bị L chiếm đoạt 335.000.000 đồng nhưng chỉ giao nộp được 19 tờ phiếu yêu cầu dịch vụ chuyển tiền của hệ thống cửa hàng bán lẻ Viettel thể hiện 19 lần chuyển tiền với tổng số tiền là 60.600.000 đồng, ngoài ra chị T không cung cấp được chứng cứ nào khác về việc giao tiền cho bị cáo L. Cả bị cáo và bị hại đều thừa nhận ngoài những lần chuyển tiền qua hệ thống cửa hàng bán lẻ Viettel thì giữa hai bên còn giao nhận tiền trực tiếp với nhau. Do vậy, qua xem xét lời khai của bị cáo, bị hại và các chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án có cơ sở để khẳng định bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại là 135.000.000 đồng phù hợp với kết luận truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa.

Xét thấy, lời khai nhận của bị cáo về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại; phù hợp với các vật chứng thu giữ được và các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Từ đó, đã có đủ cơ sở để kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 10 năm 2018 đến tháng 5 năm 2020, tại thành phố Bà Rịa, bằng thủ đoạn gian dối Lê Duy L đã có hành vi lừa đảo chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị Hồng T tổng số tiền 135.000.000 đồng. Số tiền mà bị cáo chiếm đoạt của chị T là 135.000.000 đồng là thuộc tình tiết định khung tăng nặng theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác gây mất trật tự an ninh tại địa

phương. Bị cáo L là người đã trưởng thành, bị cáo hoàn toàn nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, bị cáo có đủ sức khỏe để lao động tạo ra thu nhập nhưng vì tham lam, muốn nhanh chóng có tiền tiêu xài nên đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Không những thế, hành vi lợi dụng lòng tin của bị hại mà bị cáo đã thực hiện để lừa đảo một số tiền lớn còn gây ra hậu quả nghiêm trọng làm cho bị hại lâm vào tình trạng nợ nần, khó khăn. Bị cáo phạm tội nhiều lần nên phải chịu tình tiết tăng nặng theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 52 Bộ luật hình sự. Vì thế, cần xử phạt bị cáo một mức án thật nghiêm khắc bằng hình phạt tù với thời hạn đủ dài để giáo dục cải tạo bị cáo và đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung.

Tuy nhiên có xem xét tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải mà giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

**[3]. Về xử lý vật chứng:** Đối với 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu đen số Imel 353279/11/153571/5 **thu giữ của Lê Duy L**; 01 CMND số 221211920 mang tên Lê Duy L cấp ngày 07-02-2020; 01 thẻ ATM Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam mang tên Lê Duy L, xét đây là giấy tờ cá nhân và tài sản riêng của bị cáo nên cần tuyên giao trả cho bị cáo. Đối với 01 giấy đăng ký xe mô tô xe máy biển số 78P1-4637 mang tên Võ Thị Luyến cấp ngày 07-01-2010; 01 xe mô tô hiệu Honda loại Wave màu đỏ đen, biển số 78P1-4637, số khung RLHJC431X9Y097889, số máy JC43E0638490, xét đây là tài sản thuộc quyền sở hữu của bà Liền không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên cần tuyên giao trả cho bà Võ Thị Liền.

**[4]. Về trách nhiệm dân sự:** Tại phiên tòa, người bị hại chị Nguyễn Thị Hồng T yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 135.000.000 đồng, xét yêu cầu của bị hại là chính đáng và hợp pháp nên cần tuyên buộc bị cáo bồi thường cho chị T số tiền là 135.000.000 đồng.

**[5]. Về án phí:** Bị cáo L phải nộp án phí HSST và án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Tuyên bố:** Bị cáo **Lê Duy L** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

1/ Áp dụng Điều 38, điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: **Lê Duy L 04 (bốn) năm tù**, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 21/6/2020.

**2/ Về xử lý vật chứng:** Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên xử:

- Giao trả cho bị cáo L: **01** điện thoại di động hiệu Samsung màu đen số Imel 353279/11/153571/5; 01 CMND số 221211920 mang tên Lê Duy L cấp ngày 07-02-2020; 01 thẻ ATM Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam mang tên Lê Duy L.

- Giao trả cho bà Võ Thị Liên: 01 giấy đăng ký xe mô tô xe máy biển số 78P1-4637 mang tên Võ Thị Luyến cấp ngày 07-01-2010; 01 xe mô tô hiệu Honda loại Wave màu đỏ đen, biển số 78P1-4637, số khung RLHJC431X9Y097889, số máy JC43E0638490.

(Vật chứng trên hiện đang được Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu quản lý biên bản giao nhận vật chứng số 23 ngày 04-12-2020).

**3/ Về trách nhiệm dân sự:** Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự,

Buộc bị cáo Lê Duy L bồi thường cho chị Nguyễn Thị Hồng T số tiền 135.000.000 đồng (Một trăm ba mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án một khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

**4/ Về án phí:** Buộc bị cáo Lê Duy L phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 6.750.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng bị cáo phải nộp 6.950.000 đồng (Sáu triệu, chín trăm năm mươi ngàn đồng) án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29-12-2020), bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Người liên quan vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh BR-VT;
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;
- PV 06 – Công an tỉnh BR-VT;
- VKSND Tp. Bà Rịa;
- Cơ quan CSĐT Công an Tp. Bà Rịa;
- Chi cục THADS Tp. Bà Rịa;
- UBND xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo; bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Ngọc Anh**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ    THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Ngọc Anh**

